

Số: 7.4.2/QĐ-ĐHKB-SĐH

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2012.

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành yêu cầu ngoại ngữ trong đào tạo sau đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI

Căn cứ “Điều lệ trường Đại học” ban hành theo Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22/09/2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định quyền hạn và trách nhiệm của Hiệu trưởng các trường đại học;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 10/2011/TT-BGDĐT ngày 28/02/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 7 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15/02/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 7 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy định về tổ chức và quản lý đào tạo sau đại học ban hành kèm theo Quyết định số 1035/QĐ-ĐHKB-SĐH ngày 20/04/2011 của Hiệu trưởng Trường Đại học Bách khoa Hà Nội;

Xét đề nghị của Viện trưởng Viện Đào tạo Sau Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy định về yêu cầu ngoại ngữ trong đào tạo sau đại học Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội.

Điều 2. Các ông (bà) Viện trưởng Viện Đào tạo Sau Đại học, Trưởng các Viện quản ngành và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này .

Điều 3. Quy định được áp dụng từ ngày 01/04/2012./.

Nơi nhận

- BGH (để báo cáo);
- Như điều 3;
- Lưu: Viện ĐT SDH.

W HIỆU TRƯỞNG *W*



Phạm Thanh Lương

PGS. Nguyễn Cảnh Lương

Quy định về yêu cầu ngoại ngữ trong đào tạo sau đại học

(Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHBK-SDH ngày 26/03/2012)

Điều 1. Yêu cầu đầu vào chương trình cao học

Môn thi tuyển ngoại ngữ đầu vào là môn tiếng Anh; yêu cầu ở mức trình độ B.

Không miễn thi tuyển ngoại ngữ cho bất kỳ đối tượng nào.

Điều 2. Yêu cầu đầu ra của chương trình cao học

Môn thi ngoại ngữ đầu ra là môn tiếng Anh; trình độ tiếng Anh tương đương cấp độ B1 hoặc bậc 3/6 trở lên theo Khung tham khảo Châu Âu chung, trong thời hạn 2 năm tính đến ngày lập hồ sơ bảo vệ luận văn thạc sĩ;

Không miễn thi đầu ra ngoại ngữ cho bất kỳ đối tượng nào.

Điều 3. Trình độ ngoại ngữ của người dự tuyển NCS

Phải có một trong các chứng chỉ hoặc văn bằng sau đây:

a) Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tương đương cấp độ B1 hoặc bậc 3/6 trở lên theo Khung tham khảo Châu Âu chung về ngoại ngữ, trong thời hạn 2 năm tính đến ngày dự tuyển nghiên cứu sinh;

b) Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ được đào tạo ở nước ngoài, mà ngôn ngữ sử dụng trong đào tạo là một trong các thứ tiếng: Anh, Pháp, Nga, Đức, Nhật và Trung Quốc.

c) Bằng tốt nghiệp đại học ngành ngoại ngữ: Anh, Pháp, Nga, Đức, Nhật và Trung Quốc.

Điều 4. Trình độ ngoại ngữ của NCS trước khi bảo vệ luận án

Nghiên cứu sinh phải có một trong các chứng chỉ, văn bằng sau đây:

a) Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tương đương cấp độ B2 hoặc bậc 4/6 trở lên theo Khung tham khảo Châu Âu chung về ngoại ngữ, trong thời hạn 01 năm tính đến ngày trình hồ sơ bảo vệ luận án cấp cơ sở;

b) Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ được đào tạo ở nước ngoài, mà ngôn ngữ sử dụng trong đào tạo là một trong các thứ tiếng: Anh, Pháp, Nga, Đức, Nhật, Trung.

c) Bằng tốt nghiệp đại học ngành ngoại ngữ: Anh, Pháp, Nga, Đức, Nhật, Trung.

Điều 5. Giải thích chi tiết về Trình độ ngoại ngữ tương đương cấp độ B1, B2

Trình độ ngoại ngữ tương đương cấp độ B1, B2 hoặc bậc 3/6, 4/6 trở lên theo Khung tham khảo Châu Âu chung về ngoại ngữ, do một trung tâm khảo thí quốc tế có thẩm quyền hoặc một trường đại học trong nước đào tạo ngành ngoại ngữ tương ứng trình độ đại học cấp theo khung năng lực tương đương cấp độ B1, với dạng thức và yêu cầu đề kiểm tra ngoại ngữ quy định tại Phụ lục III của Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15/02/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều

của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 7 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 6. Bảng tham chiếu quy đổi các chứng chỉ ngoại ngữ tương đương cấp độ B1, B2 khung Châu Âu theo Thông tư số: 05 /2012/TT- BGDĐT ngày 15 tháng 2 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

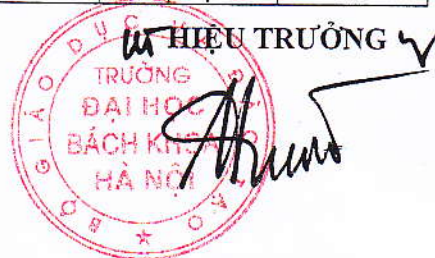
Tiếng Anh

Cấp độ (CEFR)	IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	BEC	BULATS
B1	4.5	450 PBT 133 CBT 45 iBT	450	Preliminary PET	Business Preliminary	40
B2	5.5	500 PBT 173 CBT 61 iBT	600	First FCE	Business Vantage	60

(Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được)

Các ngoại ngữ khác

Cấp độ (CEFR)	tiếng Nga	tiếng Pháp	tiếng Đức	tiếng Trung	tiếng Nhật
B1	TRKI 1	DELFB1 TCF niveau 3	B1 ZD	HSK cấp độ 3	JLPT N4
B2	TRKI 2	DELFB2 TCF niveau 4	B2 TestDaF level 4	HSK cấp độ 4	JLPT N3



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS. Nguyễn Cảnh Lương